

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XNK THIÊN NAM**  
**111-121 NGÔ GIA TỰ, PHƯỜNG 02, QUẬN 10, TP.HCM**  
**MÃ SỐ THUẾ: 0301172041**

--- oOo ---

# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

## **QUÝ 03 NĂM 2015**

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XNK THIÊN NAM**  
**111-121 NGÔ GIA TỰ, PHƯỜNG 02, QUẬN 10, TP.HCM**  
**MÃ SỐ THUẾ: 0301172041**

--- oOo ---

# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

## **QUÝ 03 NĂM 2015**

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM**

Địa chỉ: 111-121 Ngô Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ  
(Dạng đầy đủ)**

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>744.807.143.575</b>	<b>822.464.847.539</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>48.177.782.219</b>	<b>56.852.241.536</b>
1. Tiền	111		44.042.782.219	47.085.694.548
2. Các khoản tương đương tiền	112		4.135.000.000	9.766.546.988
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
<b>III Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>135.140.886.540</b>	<b>216.901.361.262</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	107.176.681.977	137.565.351.845
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	21.250.736.023	46.440.199.833
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4a	8.347.300.289	34.543.621.333
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5	(1.633.831.749)	(1.647.811.749)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.6</b>	<b>556.529.824.052</b>	<b>537.185.248.231</b>
1. Hàng tồn kho	141		557.536.485.407	537.660.776.070
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.006.661.355)	(475.527.839)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>4.958.650.764</b>	<b>11.525.996.510</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.481.370.125	44.803.982
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		3.477.280.639	11.481.192.528
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13	-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM**

Địa chỉ: 111-121 Ngô Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ****Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>285.241.890.699</b>	<b>250.279.554.960</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>96.805.000.000</b>	<b>90.025.000.000</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.4b	96.805.000.000	90.025.000.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>50.234.895.421</b>	<b>73.271.545.094</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	24.926.947.925	47.908.597.598
- Nguyên giá	222		40.993.754.153	61.244.619.662
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(16.066.806.228)	(13.336.022.064)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	25.307.947.496	25.362.947.496
- Nguyên giá	228		25.486.147.500	25.486.147.500
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(178.200.004)	(123.200.004)
<b>III Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>V.9</b>	<b>95.656.544.203</b>	<b>84.340.000.525</b>
- Nguyên giá	231		107.054.750.832	91.449.218.420
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(11.398.206.629)	(7.109.217.895)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>42.400.000.000</b>	<b>2.400.000.000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.10	2.400.000.000	2.400.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.10	40.000.000.000	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>145.451.075</b>	<b>243.009.341</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		145.451.075	243.009.341
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>1.030.049.034.274</b>	<b>1.072.744.402.499</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM**

Địa chỉ: 111-121 Ngô Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ****Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>733.186.371.239</b>	<b>797.260.222.786</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>655.546.621.239</b>	<b>726.431.762.786</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	4.436.204.625	86.243.930.884
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	17.421.899.760	16.123.101.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	3.798.337.639	2.675.910.965
4. Phải trả người lao động	314	V.14	6.251.335.064	6.975.954.716
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	698.672.899	30.451.650.137
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16a	286.650.000	335.486.800
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17a	618.674.041.791	581.122.787.758
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.18	3.979.479.461	2.502.940.526
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>77.639.750.000</b>	<b>70.828.460.000</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.16a	42.889.750.000	42.864.910.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17b	34.750.000.000	27.963.550.000
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM**

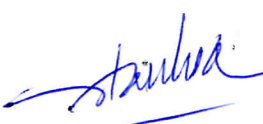
Địa chỉ: 111-121 Ngô Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ****Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>296.862.663.035</b>	<b>275.484.179.713</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>296.862.663.035</b>	<b>275.484.179.713</b>
1. <b>Vốn góp của chủ sở hữu</b>	411	V.19	80.000.000.000	80.000.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	411a		80.000.000.000	80.000.000.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.19	55.186.113.637	55.186.113.637
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415	V.19	(2.821.300)	(2.821.300)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.19	78.023.603.117	74.196.407.391
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.19	83.655.767.581	66.104.479.985
- <i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	421a		47.556.721.721	66.104.479.985
- <i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này</i>	421b		36.099.045.860	
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>1.030.049.034.274</b>	<b>1.072.744.402.499</b>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 10 năm 2015

  
 Nguyễn Thị Thu Hiền  
 Người lập biểu

  
 Hà Hạnh Hoa  
 Kế toán trưởng

  
 Ngô Hữu Hoàn  
 Tổng Giám đốc

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH TỔNG HỢP Quý 3 năm 2015

Đơn vị tính: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	QUÝ 03		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		591.903.694.985	399.357.622.898	1.575.245.816.117	1.097.917.790.867
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			866.742.899	118.976.948	866.742.899
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		591.903.694.985	398.490.879.999	1.575.126.839.169	1.097.051.047.968
4. Giá vốn hàng bán	11		554.223.986.293	368.319.324.055	1.467.519.903.593	1.014.795.372.244
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		37.679.708.692	30.171.555.944	107.606.935.576	82.255.675.724
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		622.083.368	2.567.730.016	5.165.514.561	5.678.905.858
7. Chi phí tài chính	22		10.368.845.263	8.706.931.055	33.485.473.795	26.151.062.661
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		10.347.617.937	8.697.768.743	33.245.202.679	25.831.951.118
8. Chi phí bán hàng	25		5.442.309.420	5.513.499.386	16.932.702.164	16.556.057.903
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		5.626.313.016	4.996.264.794	15.878.439.880	12.420.183.888
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		16.864.324.361	13.522.590.725	46.475.834.298	32.807.277.130
11. Thu nhập khác	31		418.308.052	9.793.181	424.790.238	359.548.847
12. Chi phí khác	32		361.284.016	728.824	619.796.510	3.543.001
13. Lợi nhuận khác	40		57.024.036	9.064.357	-195.006.272	356.005.846
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		16.921.348.397	13.531.655.082	46.280.828.026	33.163.282.976
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		3.722.696.648	2.958.034.951	10.181.782.166	7.088.049.864
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52					214.708.209
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		13.198.651.749	10.573.620.131	36.099.045.860	25.860.524.903
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70					
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71					

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 10 năm 2015



Nguyễn Thị Thu Hiền  
 Người lập biểu



Hà Hạnh Hoa  
 Kế toán trưởng



  
 Ngô Hữu Hoàn  
 Tổng Giám đốc


**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp trực tiếp)  
**Quý 03 năm 2015**

Đơn vị tính: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lưu kế từ đầu năm đến cuối quý này Năm nay	Năm trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và DT khác	1		1.692.623.784.371	932.296.509.138
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	2		(1.654.083.727.313)	(1.128.499.976.843)
3. Tiền chi trả cho người lao động	3		(15.616.391.705)	(9.704.100.320)
4. Tiền lãi vay đã trả	4		(32.265.358.373)	(25.831.951.118)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	5		(9.567.732.279)	(7.166.467.007)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6		85.313.234.778	337.862.680.473
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7		(49.087.352.074)	(84.771.362.461)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>17.316.457.405</b>	<b>14.185.331.862</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ & các TS dài hạn khác	21		(27.796.620.587)	(49.454.952.706)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ & các TS dài hạn khác	22		418.181.818	346.363.637
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(91.800.000.000)	(88.000.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		68.100.000.000	34.500.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		7.612.940.265	4.604.972.223
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(43.465.498.504)</b>	<b>(98.003.616.846)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của	32		-	(338.000)
3. Tiền thu từ đi vay	33		1.544.032.025.434	1.108.164.085.274
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(1.518.557.707.652)	(1.028.640.530.505)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(7.999.736.000)	(7.999.749.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>17.474.581.782</b>	<b>71.523.467.769</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>(8.674.459.317)</b>	<b>(12.294.817.215)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>56.852.241.536</b>	<b>30.284.811.137</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)</b>	<b>70</b>		<b>48.177.782.219</b>	<b>17.989.993.922</b>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 10 năm 2015

  
Nguyễn Thị Thu Hiền  
Người lập biểu

  
Hà Hạnh Hoa  
Kế toán trưởng

  
Ngô Hữu Hoàn  
Tổng Giám Đốc



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ  
QUÝ 3 NĂM 2015**

**I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG**

**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty cổ phần thương mại xuất nhập khẩu Thiên Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

**2. Lĩnh vực kinh doanh**

Công ty kinh doanh trong nhiều lĩnh vực khác nhau.

**3. Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh chính Công ty là: Mua bán, đại lý, ký gởi các mặt hàng công nghệ phẩm, lương thực, thực phẩm, vật tư thiết bị, phương tiện vận tải, rượu, nông sản, thủy hải sản, kim khí điện máy, vật liệu xây dựng, trang trí nội thất, phân bón, thuốc trừ sâu, vật tư, máy móc thiết bị, mỹ phẩm; Đại lý ký gửi hàng hóa; Thu mua và chế biến hàng nông, thủy, hải sản xuất khẩu (không hoạt động tại trụ sở); Cho thuê xe du lịch; Mua bán sắt thép, kim loại phế-liệu và dịch vụ phá dỡ tàu thuyền, ô tô cũ (không hoạt động tại trụ sở); Mua bán xe ô tô; Dịch vụ khai thuê hải quan; Dịch vụ giao nhận hàng hóa; Kinh doanh bất động sản.

**4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

**5. Cấu trúc Công ty**

***Công ty con***

Công ty đầu tư vào công ty con là Công ty TNHH công nghệ phẩm Thiên Nam có trụ sở chính tại 451 - 453 Nguyễn Tri Phương, phường 8, quận 10, TP. Hồ Chí Minh. Hoạt động kinh doanh chính của công ty con này là bán buôn đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty con này là 80%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ lợi ích tương đương với tỷ lệ vốn góp.

***Công ty liên kết***

Công ty đầu tư vào Công ty cổ phần Khải Huy Quân có trụ sở chính tại 271/7B An Dương Vương, phường 3, quận 5, TP. Hồ Chí Minh. Hoạt động kinh doanh chính của công ty liên kết này là xây dựng chuyên dụng. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty liên kết này là 40%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ phần sở hữu tương đương với tỷ lệ vốn góp.

***Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc***

Công ty có đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc là Công ty cổ phần thương mại xuất nhập khẩu Thiên Nam – Trung tâm kinh doanh sắt thép, địa chỉ tại 56A quốc lộ 1A, ấp 2, xã Mỹ Yên, huyện Bến Lức, tỉnh Long An

Theo quyết định của Hội đồng quản trị số 11/2015/QĐ-HĐQT ngày 16 tháng 3 năm 2015, Công ty sẽ chấm dứt hoạt động của Trung tâm kinh doanh sắt thép này từ ngày 30 tháng 6 năm 2015.

**6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**

Như đã trình bày tại thuyết minh số III.1, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh

# CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM

Địa chỉ: 111-121 Ngô Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

---

nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Công ty đã trình bày lại các số liệu so sánh do vậy các số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 so sánh được với số liệu tương ứng của cùng kỳ năm trước.

### 7. Nhân viên

- \* Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có 63 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 65 nhân viên).

## II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

### 1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

## III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư này có hiệu lực áp dụng cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Thông tư này và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

## IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

### 2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam – Chi nhánh 10, TP. Hồ Chí Minh (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam – Chi nhánh 10, TP. Hồ Chí Minh (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

### **3. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

### **4. Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết**

#### *Công ty con*

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

#### *Công ty liên kết*

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này:

#### *Ghi nhận ban đầu*

Các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh

thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

*Dự phòng cho các khoản tổn thất đầu tư vào công ty con và công ty liên kết*

- Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết. Nếu công ty con, công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con và công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

## 5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

## 6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp giá đích danh và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

# CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM

Địa chỉ: 111-121 Ngô Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

---

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

### 7. Chi phí trả trước

- \* Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

#### *Công cụ, dụng cụ*

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

#### *Chi phí trả trước dài hạn khác*

Chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm: chi phí sửa chữa, chi phí lắp đặt ... được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 02 – 05 năm.

### 8. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

### 9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 30
Máy móc và thiết bị	04-10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06
Thiết bị, dụng cụ quản lý	10
Tài sản cố định khác	05

### 10. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là nhà cửa, vật kiến trúc thuộc sở hữu của Công ty được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

Bất động sản đầu tư sử dụng để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của nhà cửa, vật kiến trúc từ 05 đến 25 năm.

#### **11. Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

##### ***Quyền sử dụng đất***

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

##### ***Phần mềm máy tính***

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.

#### **12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

**13. Vốn chủ sở hữu*****Vốn góp của chủ sở hữu***

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

***Thặng dư vốn cổ phần***

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

***Cổ phiếu quỹ***

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

**14. Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

**15. Ghi nhận doanh thu và thu nhập*****Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm***

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).

# CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM

Địa chỉ: 111-121 Ngô Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

---

- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

### ***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

### ***Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động***

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

### ***Tiền lãi***

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

### ***Cổ tức và lợi nhuận được chia***

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

## **16. Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu là hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ này mới phát sinh trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính tổng hợp của kỳ này.
- Nếu trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính tổng hợp của kỳ sau.

## **17. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản cố liên quan.



Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

**18. Các khoản chi phí**

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và qui định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

**19. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

***Thuế thu nhập hiện hành***

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

***Thuế thu nhập hoãn lại***

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
  - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc

## CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM

Địa chỉ: 111-121 Ngô Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

---

- Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

#### 20. Bên liên quan

- \* Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

#### 21. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

#### 22. Công cụ tài chính

##### *Tài sản tài chính*

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm có tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

##### *Nợ phải trả tài chính*

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

##### *Công cụ vốn chủ sở hữu*

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

##### *Bù trừ các công cụ tài chính*

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM**

Địa chỉ: 111-121 Ngô Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ****V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	277.872.929	356.421.594
* Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	43.764.909.290	46.729.272.954
Các khoản tương đương tiền	4.135.000.000	9.766.546.988
<b>Cộng</b>	<b><u>48.177.782.219</u></b>	<b><u>56.852.241.536</u></b>

**2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Phải thu bên liên quan</b>	<b>4.791.688.744</b>	<b>22.072.654.900</b>
Công ty TNHH công nghệ phẩm Thiên Nam	4.791.688.744	22.072.654.900
<b>Phải thu các khách hàng khác</b>	<b>102.384.993.233</b>	<b>115.492.696.945</b>
Công ty cổ phần Tập đoàn thép Nguyễn Minh	52.060.342.903	31.877.085.220
Công ty cổ phần sản xuất và thương mại thép Nguyễn Minh	37.780.939.001	67.950.624.751
Các khách hàng khác	12.543.711.329	15.664.986.974
<b>Cộng</b>	<b><u>107.176.681.977</u></b>	<b><u>137.565.351.845</u></b>

**3. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Steelco Pacific Trading, Ltd.	-	22.505.083.164
Công ty cổ phần đầu tư kinh doanh địa ốc Hưng Thịnh	15.048.100.000	18.048.100.000
Alba Exports, Ltd.	1.787.154.199	1.999.999.639
Fitzpatrick Exports (UK) Limited	1.651.529.719	
Các khách hàng khác	2.763.952.105	3.887.017.030
<b>Cộng</b>	<b><u>21.250.736.023</u></b>	<b><u>46.440.199.833</u></b>

**4. Phải thu khác****4a. Phải thu ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
<b>Phải thu bên liên quan</b>	-	-	<b>2.865.439.830</b>	-
Công ty TNHH công nghệ phẩm Thiên Nam - Phải thu về lãi chậm thanh toán	-	-	250.058.971	-
Công ty TNHH công nghệ phẩm Thiên Nam - Khoản lãi góp vốn phải thu	-	-	2.615.380.859	-
<b>Phải thu các tổ chức khác</b>	<b>8.347.300.289</b>	-	<b>31.678.181.503</b>	-
Công ty cổ phần đầu tư kinh doanh địa ốc Hưng Thịnh - Phải thu hoạt động đầu tư	7.500.000.000	-	30.600.000.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	847.300.289	-	1.078.181.503	-
<b>Cộng</b>	<b><u>8.347.300.289</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>34.543.621.333</u></b>	<b><u>-</u></b>

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM**

Địa chỉ: 111-121 Ngô Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ****4b. Phải thu dài hạn khác**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>Phải thu bên liên quan</b>	<b>6.800.000.000</b>	-	-	-
Công ty cổ phần Khải Huy Quân				
* - Phải thu hoạt động đầu tư	6.800.000.000	-	-	-
<b>Phải thu các tổ chức khác</b>	<b>90.005.000.000</b>	-	<b>90.025.000.000</b>	-
Công ty cổ phần đầu tư kinh doanh địa ốc Hưng Thịnh - Phải thu hoạt động đầu tư	90.000.000.000	-	90.000.000.000	-
Các khoản phải thu dài hạn khác	5.000.000	-	25.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>96.805.000.000</b>	-	<b>90.025.000.000</b>	-

**5. Nợ xấu**

Công ty có khoản phải thu Công ty cổ phần tập đoàn Thành Nam về tiền hàng với số tiền 1.633.831.749 VND đã quá hạn trên 3 năm. Hiện tại, Thị hành án quận Nam Từ Liêm đang thu hồi khoản nợ này cho Công ty.

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(1.647.811.749)	(1.469.882.224)
Trích lập dự phòng bổ sung	-	(177.929.525)
Hoàn nhập dự phòng	13.980.000	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>(1.633.831.749)</b>	<b>(1.647.811.749)</b>

**6. Hàng tồn kho**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	-	-	53.421.145.028	-
Nguyên liệu, vật liệu	205.060.307.000	-	-	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	-	-	146.274.628.575	-
Hàng hóa	352.476.178.407	(1.006.661.355)	337.965.002.467	(475.527.839)
<b>Cộng</b>	<b>557.536.485.407</b>	<b>(1.006.661.355)</b>	<b>537.660.776.070</b>	<b>(475.527.839)</b>

Tình hình biến động dự phòng giảm giá cho hàng hóa tồn kho như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(475.527.839)	(890.957.436)
Trích lập dự phòng bổ sung	(531.133.516)	-
Hoàn nhập dự phòng	-	415.429.597
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>(1.006.661.355)</b>	<b>(475.527.839)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM**

Địa chỉ: 111-121 Ngô Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ****7. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
<b>Nguyên giá</b>						
Số đầu năm	14.119.124.751	40.434.864.669	6.604.786.992	55.778.000	30.065.250	61.244.619.662
Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	(19.368.445.612)	-	-	-	(19.368.445.612)
Thanh lý TSCĐ			(654.507.273)			(654.507.273)
Điều chỉnh giảm theo quyết toán	-	(227.912.624)	-	-	-	(227.912.624)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>14.119.124.751</b>	<b>20.838.506.433</b>	<b>5.950.279.719</b>	<b>55.778.000</b>	<b>30.065.250</b>	<b>40.993.754.153</b>
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	1.152.429.369	286.380.952	419.484.429	55.778.000	30.065.250	1.944.138.000
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-
<b>Giá trị hao mòn</b>						
Số đầu năm	4.535.616.053	6.083.976.999	2.633.091.172	55.778.000	27.559.840	13.336.022.064
Khấu hao trong năm	754.951.595	3.282.929.438	734.088.324	-	2.505.410	4.774.474.767
Thanh lý TSCĐ			(242.323.515)			(242.323.515)
Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	(1.801.367.088)	-	-	-	(1.801.367.088)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>5,290,567,648</b>	<b>7,565,539,349</b>	<b>3,124,855,981</b>	<b>55,778,000</b>	<b>30,065,250</b>	<b>16,066,806,228</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số đầu năm	9.583.508.698	34.350.887.670	3.971.695.820	-	2.505.410	47.908.597.598
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>8.828.557.103</b>	<b>13.272.967.084</b>	<b>2.825.423.738</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>24.926.947.925</b>

Một phần Công trình Cao ốc văn phòng tại 111-121 Ngô Gia Tự, phường 02, quận 10, TP. Hồ Chí Minh đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam – Chi nhánh 10, TP. Hồ Chí Minh.

**8. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm	Cộng
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu năm	25.255.147.500	231.000.000	25.486.147.500
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>25.255.147.500</b>	<b>231.000.000</b>	<b>25.486.147.500</b>
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	-	-
<b>Giá trị hao mòn</b>			
Số đầu năm	-	123.200.004	123.200.004
Khấu hao trong kỳ	-	55.000.000	55.000.000
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>-</b>	<b>178.200.004</b>	<b>178.200.004</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu năm	25.255.147.500	107.799.996	25.362.947.496
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>25.255.147.500</b>	<b>52.799.996</b>	<b>25.307.947.496</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM**

Địa chỉ: 111-121 Ngô Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

Quyền sử dụng đất đã được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn của Ngân hàng thương mại cổ phần An Bình.

**9. Bất động sản đầu tư**

	<b>Nhà cửa, vật kiến trúc</b>
<b>* Nguyên giá</b>	
Số đầu năm	91.449.218.420
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình	19.368.445.612
Điều chỉnh giảm theo quyết toán	(3.762.913.200)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>107.054.750.832</b>
<i>Trong đó:</i>	
Đã khấu hao hết nhưng vẫn cho thuê	1.231.010.009
<b>Giá trị hao mòn</b>	
Số đầu năm	7.109.217.895
Khấu hao trong năm	2.487.621.646
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình	1.801.367.088
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>11.398.206.629</b>
<b>Giá trị còn lại</b>	
Số đầu năm	84.340.000.525
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>95.656.544.203</b>

**10. Các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty chỉ có đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
<b>Đầu tư vào công ty con</b>	<b>2.400.000.000</b>	-	-	<b>2.400.000.000</b>	-	-
Công ty TNHH công nghệ phẩm Thiên Nam <sup>(i)</sup>	2.400.000.000	-	-	2.400.000.000	-	-
<b>Đầu tư vào công ty liên kết</b>	<b>40.000.000.000</b>	-	-	-	-	-
Công ty cổ phần Khải Huy Quân <sup>(ii)</sup>	40.000.000.000	-	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>42.400.000.000</b>	-	-	<b>2.400.000.000</b>	-	-

(i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0306489067 ngày 15 tháng 3 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH công nghệ phẩm Thiên Nam 2.400.000.000 VND, tương đương 80% vốn điều lệ.

(ii) Trong kỳ Công ty đã mua 4.000.000 cổ phiếu của Công ty cổ phần Khải Huy Quân với giá mua là 40.000.000.000 VND. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty nắm giữ 4.000.000 cổ phiếu, tương đương 40% vốn điều lệ của công ty này.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM**

Địa chỉ: 111-121 Ngô Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

Các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết không xác định được giá trị hợp lý do không có giá giao dịch.

*Tình hình hoạt động của các công ty con và công ty liên kết*

Các công ty con và công ty liên kết đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

*Giao dịch với các công ty con và công ty liên kết*

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các công ty con và công ty liên kết như sau:

	<b>Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</b>	
	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
<b>Công ty TNHH công nghệ phẩm Thiên Nam</b>		
Bán hàng hóa	21.213.637.790	18.923.431.225
Cho thuê mặt bằng kho	441.079.301	399.727.724
<b>Công ty cổ phần Khai Huy Quân</b>		
Góp vốn đầu tư dự án	6.800.0000.000	-

**11. Phải trả người bán ngắn hạn**

	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>Phải trả bên liên quan</b>	-	-
Công ty TNHH công nghệ phẩm Thiên Nam	-	-
<b>Phải trả các nhà cung cấp khác</b>	<b>4.436.204.625</b>	<b>86.243.930.884</b>
Arsen International (HK), Ltd	-	55.158.876.470
Ye-steel Trading Co., Ltd	-	17.257.412.913
Công ty cổ phần sản xuất - xuất nhập khẩu lâm sản và hàng tiêu thụ công nghiệp (UPEXIM)	1.105.440.000	1.105.440.000
Beryls Chocolate	1.020.810.042	961.593.604
Walker's Nonsuch Limited	1.199.332.800	-
Các khách hàng khác	1.110.621.783	11.760.607.897
<b>Cộng</b>	<b>4.436.204.625</b>	<b>86.243.930.884</b>

Công ty không có nợ quá hạn chưa thanh toán.

**12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>Trả trước của bên liên quan</b>	-	-
Công ty TNHH công nghệ phẩm Thiên Nam	-	-
<b>Trả trước của các khách hàng khác</b>	<b>17.421.899.760</b>	<b>16.123.101.000</b>
Ông Lê Hữu Trung	3.320.100.000	3.320.100.000
Ông Nguyễn Minh Viễn	2.347.191.000	2.347.191.000
Bà Trần Ngọc Linh	2.529.030.000	2.529.030.000
Các khách hàng khác	9.225.578.760	7.926.780.000
<b>Cộng</b>	<b>17.421.899.760</b>	<b>16.123.101.000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM**

Địa chỉ: 111-121 Ngô Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ****13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	39.098.555.903	(39.098.555.903)	-	-
Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	-	146.816.494	(146.816.494)	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	1.405.736.614	(1.405.736.614)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.661.664.954	-	10.628.763.973	(9.567.732.279)	3.722.696.648	-
Thuế thu nhập cá nhân	14.246.011	-	2.127.465.850	(2.066.070.870)	75.640.991	-
Tiền thuê đất	-	-	3.891.767.678	(3.891.767.678)	-	-
Các loại thuế khác	-	-	4.000.000	(4.000.000)	-	-
<b>Cộng</b>	<b>2.675.910.965</b>	<b>-</b>	<b>57.303.106.512</b>	<b>(56.180.679.838)</b>	<b>3.798.337.639</b>	<b>-</b>

**Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

**Thuế xuất, nhập khẩu**

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

**Thuế tiêu thụ đặc biệt**

Công ty phải nộp thuế tiêu thụ đặc biệt cho hoạt động kinh doanh rượu với thuế suất 25%.

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 22%.

Theo Luật số 32/2013/QH13 về sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2013, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông giảm từ 22% xuống còn 20% từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

**Tiền thuê đất**

Công ty phải nộp tiền thuê đất theo thông báo của Chi Cục thuế.

**Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo qui định:

**14. Phải trả người lao động**

Tổng quỹ lương được xác định bằng tỷ suất tiền lương trên lợi nhuận trước thuế chưa tính chi phí lương là 25% theo Nghị quyết Hội đồng quản trị ngày 01 tháng 4 năm 2015.

**15. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí lãi vay phải trả	-	1.112.199.526
Chi phí xây dựng	434.600.001	29.164.450.611
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	264.072.898	175.000.000
<b>Cộng</b>	<b>698.672.899</b>	<b>30.451.650.137</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM**

Địa chỉ: 111-121 Ngô Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ****16. Phải trả khác****16a. Phải trả ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nhận ký quỹ ngắn hạn	128.640.000	173.940.000
Cổ tức phải trả	8.010.000	8.010.000
* Các khoản phải trả ngắn hạn khác	150.000.000	153.536.800
<b>Cộng</b>	<b><u>286.650.000</u></b>	<b><u>335.486.800</u></b>

**16b. Phải trả dài hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH thương mại dịch vụ Thiên Nam Hòa - Nhận ký quỹ dài hạn	38.000.000.000	38.000.000.000
Các đối tượng khác - Nhận ký quỹ dài hạn	4.889.750.000	4.864.910.000
<b>Cộng</b>	<b><u>42.889.750.000</u></b>	<b><u>42.864.910.000</u></b>

**16c. Nợ quá hạn chưa thanh toán**

Công ty không có nợ quá hạn chưa thanh toán.

**17. Vay và nợ thuê tài chính****17a. Vay ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	608,329,041,791	608,329,041,791	568.697.787.758	568.697.787.758
- Ngân hàng thương mại cổ phần An Bình <sup>(i)</sup>	98.400.000.000	98.400.000.000	59.611.905.669	59.611.905.669
- Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam – Chi nhánh 10, TP. Hồ Chí Minh <sup>(ii)</sup>	209.506.218.342	209.506.218.342	196.112.753.960	196.112.753.960
- Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam <sup>(iii)</sup>	157.749.976.987	157.749.976.987	146.166.792.485	146.166.792.485
- Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Lý Thường Kiệt <sup>(iv)</sup>	50.181.974.662	50.181.974.662	54.228.525.079	54.228.525.079
- Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) <sup>(iv)</sup>	54.490.871.800	54.490.871.800	53.202.786.969	53.202.786.969
- Ngân hàng Indovina - Chi nhánh TP Hồ Chí Minh <sup>(iv)</sup>	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000
- Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh <sup>(iv)</sup>	28.000.000.000	28.000.000.000	49.375.023.596	49.375.023.596
Vay ngắn hạn các cá nhân khác <sup>(v)</sup>	3.345.000.000	3.345.000.000	5.625.000.000	5.625.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.17b)	7.000.000.000	7.000.000.000	6.800.000.000	6.800.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>618.674.041.791</u></b>	<b><u>618.674.041.791</u></b>	<b><u>581.122.787.758</u></b>	<b><u>581.122.787.758</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM**

Địa chỉ: 111-121 Ngô Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

- (i) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần An Bình để bổ sung vốn lưu động với lãi suất cụ thể theo từng lần vay thực tế. Khoản vay được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất (xem thuyết minh số V.8).
- (ii) Khoản vay tại Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam – Chi nhánh 10, TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động với lãi suất cụ thể theo từng lần vay thực tế. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp Công trình Cao ốc văn phòng tại 111-121 Ngô Gia Tự, phường 02, quận 10, TP. Hồ Chí Minh (xem thuyết minh số V.7).
- (iii) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động với lãi suất cụ thể theo từng lần vay thực tế. Khoản vay được đảm bảo bằng việc thế chấp một số bất động sản đầu tư (xem thuyết minh số V.9).
- (iv) Các khoản vay để bổ sung vốn lưu động với lãi suất cụ thể theo từng lần vay thực tế và không có tài sản đảm bảo.
- (v) Vay ngắn hạn các cá nhân để bổ sung vốn lưu động với lãi suất 0,625%/tháng.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển từ vay dài hạn</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	568.697.787.758	1.540.141.961.685	-	(1.500.510.707.652)	608.329.041.791
Vay ngắn hạn các cá nhân	5.625.000.000	10.517.000.000	-	(12.797.000.000)	3.345.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	6.800.000.000	-	5.450.000.000	(5.250.000.000)	7.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>581.122.787.758</u></b>	<b><u>1.550.685.961.685</u></b>	<b><u>5.450.000.000</u></b>	<b><u>(1.518.557.707.652)</u></b>	<b><u>618.674.041.791</u></b>

**17b. Vay dài hạn**

Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam – Chi nhánh 10 để thanh toán cho các chi phí đầu tư dự án cửa hàng kinh doanh và văn phòng với lãi suất thả nổi được điều chỉnh theo thông báo của ngân hàng tại từng thời kỳ, thời hạn vay 90 tháng. Khoản vay này được bảo đảm bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất thuê và tài sản hình thành trong tương lai tại 277B Cách Mạng Tháng Tám, phường 12, quận 10, TP. Hồ Chí Minh. Công ty có khả năng trả khoản nợ vay này.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 01 năm trở xuống	7.000.000.000	6.800.000.000
Trên 01 năm đến 05 năm	34.750.000.000	27.963.550.000
<b>Cộng</b>	<b><u>41.750.000.000</u></b>	<b><u>34.763.550.000</u></b>

Chi tiết phát sinh khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam – Chi nhánh 10 như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	27.963.550.000	-
Số tiền vay phát sinh	12.236.450.000	25.713.550.000
Kết chuyển sang nợ dài hạn đến hạn trả	(5.450.000.000)	(3.400.000.000)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>34.750.000.000</u></b>	<b><u>22.313.550.000</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM**

Địa chỉ: 111-121 Ngô Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ****18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	Tăng do trích		Tăng khác	Chi quỹ trong kỳ	Số cuối kỳ
	Số đầu năm	lập từ lợi nhuận			
Quỹ khen thưởng	2.197.213.689	3.214.844.410	-	(1.896.500.000)	3.515.558.099
Quỹ phúc lợi	826.567.456	1.377.790.461	7.960.000	(1.303.750.600)	908.567.317
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	(520.840.619)	1.148.158.718	-	(1.071.964.054)	(444.645.955)
<b>Cộng</b>	<b>2.502.940.526</b>	<b>5.740.793.589</b>	<b>7.960.000</b>	<b>(4.272.214.654)</b>	<b>3.979.479.461</b>

**19. Vốn chủ sở hữu****19a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 01 đính kèm.

**19b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tổng Công ty thương mại Sài Gòn TNHH một thành viên	16.544.000.000	16.544.000.000
Các cổ đông khác	63.456.000.000	63.456.000.000
<b>Cộng</b>	<b>80.000.000.000</b>	<b>80.000.000.000</b>

**19c. Cổ phiếu**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.000.000	8.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8.000.000	8.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	8.000.000	8.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	(264)	(264)
- Cổ phiếu phổ thông	(264)	(264)
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	7.999.736	7.999.736
- Cổ phiếu phổ thông	7.999.736	7.999.736
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

**19d. Phân phối lợi nhuận**

Trong kỳ Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2015 ngày 28 tháng 3 năm 2015 như sau:

• Chia cổ tức cho các cổ đông	7.999.736.000 VND
• Trích quỹ đầu tư phát triển	3.827.195.726 VND
• Trích quỹ tham gia công tác xã hội	299.978.000 VND
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	4.592.634.871 VND
• Trích quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	1.148.158.718 VND
<b>Cộng</b>	<b>17.867.703.315 VND</b>

**20. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tiền và các khoản tương đương tiền của Công ty bao gồm 1.179,96 USD (số đầu năm là 1.563,24 USD).

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM**

Địa chỉ: 111-121 Ngô Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ****VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	<u>Quý 3/2015</u>	<u>Quý 3/2014</u>
Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	424.967.520.125	309,286,942,997
Doanh thu bán thành phẩm	158.506.347.628	86,086,428,358
Doanh thu kinh doanh bất động sản	8.429.827.232	3,984,251,543
<b>Cộng</b>	<b><u>591.903.694.985</u></b>	<b><u>399,357,622,898</u></b>

**1b. Các khoản giảm trừ doanh thu**

	<u>Quý 3/2015</u>	<u>Quý 3/2014</u>
Hàng bán bị trả lại	-	866.741.899
<b>Cộng</b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>866.742.899</u></b>

**1c. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan**

Ngoài giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho công ty con được trình bày ở thuyết minh số V.2a, Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty con.

**2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Quý 3/2015</u>	<u>Quý 3/2014</u>
Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	424.967.520.125	309.286.942.997
Doanh thu bán thành phẩm	158.506.347.628	85.219.685.459
Doanh thu kinh doanh bất động sản	8.429.827.232	3.984.251.543
<b>Cộng</b>	<b><u>591.903.694.985</u></b>	<b><u>398.490.879.999</u></b>

**3. Giá vốn hàng bán**

	<u>Quý 3/2015</u>	<u>Quý 3/2014</u>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	399.200.586.937	286,874,863,226
Giá vốn của thành phẩm đã bán	152.314.682.610	80,371,172,665
Giá vốn của hoạt động kinh doanh bất động sản	2.717.566.194	1,073,288,164
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(8.849.448)	-
<b>Cộng</b>	<b><u>554.223.986.293</u></b>	<b><u>368,319,324,055</u></b>

**4. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<u>Quý 3/2015</u>	<u>Quý 3/2014</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	20.369.426	98.894.592
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	25.967.046	12.544.464
Thu từ hoạt động góp vốn	573.750.000	2.227.615.517
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	1.996.896	168.736.670
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	59.938.773
Lãi chậm thanh toán	-	-
<b>Cộng</b>	<b><u>622.083.368</u></b>	<b><u>2.567.730.016</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM**

Địa chỉ: 111-121 Ngô Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ****5. Chi phí tài chính**

	<u>Quý 3/2015</u>	<u>Quý 3/2014</u>
Chi phí lãi vay	10.347.617.937	8.697.768.743
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	21.227.326	9.162.312
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	-
Chi phí tài chính khác	-	-
<b>Cộng</b>	<b><u>10.368.845.263</u></b>	<b><u>8.706.931.055</u></b>

**6. Chi phí bán hàng**

	<u>Quý 3/2015</u>	<u>Quý 3/2014</u>
Chi phí cho nhân viên	841.388.400	856.308.300
Chi phí vật liệu, bao bì	46.431.080	94.779.019
Chi phí khấu hao tài sản cố định	424.291.852	359.038.416
Chi phí điện	755.055.627	618.025.646
Chi phí vận chuyển, bốc xếp hàng	1.991.281.896	2.110.789.157
Chi phí thuê kho, bảo trì và dịch vụ Ngân hàng	721.857.499	1.231.306.193
Chi phí khác	662.003.066	243.252.655
<b>Cộng</b>	<b><u>5.442.309.420</u></b>	<b><u>5.513.499.386</u></b>

**7. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<u>Quý 3/2015</u>	<u>Quý 3/2014</u>
Chi phí cho nhân viên	5.012.343.066	3.880.746.595
Chi phí vật liệu, bao bì	100.497.859	99.221.239
Chi phí khấu hao tài sản cố định	93.431.460	556.015.330
Dự phòng / Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	-	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	59.694.932	66.668.103
Các chi phí khác	360.345.699	393.613.527
<b>Cộng</b>	<b><u>5.626.313.016</u></b>	<b><u>4.996.264.794</u></b>

**8. Lãi trên cổ phiếu**

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

**9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	<u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Quý 3/2015</u>	<u>Quý 3/2014</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	149.809.956.939	78.943.088.061
Chi phí nhân công	5.853.731.466	4.737.054.895
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.015.645.181	1.555.077.539
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.179.544.564	5.729.721.332
Chi phí khác	2.233.143.642	1.022.985.674
<b>Cộng</b>	<b><u>166.092.021.792</u></b>	<b><u>91.987.927.501</u></b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM

Địa chỉ: 111-121 Ngô Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

## VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 1. Tài sản cho thuê hoạt động

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu trong tương lai thu được từ các hợp đồng thuê hoạt động như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
* Từ 01 năm trở xuống	32.409.113.090	32.753.339.344
Trên 01 năm đến 05 năm	108.372.716.364	113.484.630.044
Trên 05 năm	259.519.090.909	265.880.353.909
<b>Cộng</b>	<b><u>400.300.920.363</u></b>	<b><u>412.118.323.297</u></b>

### 2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

#### 2a. *Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc và kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

*Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

*Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

*Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt*

	<u>Quý 3/2015</u>	<u>Quý 3/2014</u>
Tiền lương, thưởng	1.385.000.000	874.750.000
Phụ cấp	95.326.800	145.231.600
<b>Cộng</b>	<b><u>1.480.326.800</u></b>	<b><u>1.019.981.600</u></b>

#### 2b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng Công ty thương mại Sài Gòn TNHH một thành viên	Cổ đông nắm giữ 20,68% vốn điều lệ và có đại diện là Chủ tịch Hội đồng quản trị của Công ty
Công ty TNHH công nghệ phẩm Thiên Nam	Công ty con
Công ty cổ phần Khải Huy Quân	Công ty liên kết

*Giao dịch với các bên liên quan khác*

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty con đã được trình bày ở thuyết minh số V.10, Công ty chỉ phát sinh giao dịch với Tổng Công ty thương mại Sài Gòn TNHH một thành viên như sau:

# CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM

Địa chỉ: 111-121 Ngô Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

Năm nay

Năm trước

Mua hàng hóa

-

-

Mua dịch vụ

-

-

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

### **Công nợ với các bên liên quan khác**

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.2, V.4, V.11 và V.12.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

### **3. Thông tin về bộ phận**

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ của Công ty.

#### **Lĩnh vực kinh doanh**

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Thương mại, dịch vụ: mua bán sắt thép, dịch vụ ủy thác xuất nhập khẩu.
- Kinh doanh bất động sản: cho thuê văn phòng, mặt bằng.

#### **Khu vực địa lý**

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

### **4. Giải trình sự chênh lệch Kết quả kinh doanh của Quý 3 năm 2015 so với Quý 3 năm 2014 như sau:**

+ Doanh thu thuần Quý 3/2015 đạt 591,903 tỷ đồng, tăng 48,21% so với Quý 3/2014 do doanh thu bán thành phẩm tăng 84,12% và doanh thu cho thuê mặt bằng tăng 111,58%.

+ Lợi nhuận sau thuế Quý 3/2015 đạt 13,198 tỷ đồng, tăng 24,83% so với cùng kỳ năm trước do sự gia tăng của doanh thu bán thành phẩm đã làm cho lợi nhuận của ngành hàng này tăng và việc đưa mặt bằng 277B CMT8 vào khai thác cũng góp phần làm tăng lợi nhuận của Quý này so với cùng kỳ năm trước.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 10 năm 2015

Nguyễn Thị Thu Hiền  
Người lập biểu

Hà Hạnh Hoa  
Kế toán trưởng



Ngô Hữu Hoàn  
Tổng Giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM**

Địa chỉ: 111-121 Ngõ Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ****Phụ lục 01: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	80.000.000.000	55.186.113.637	(2.483.300)	70.747.064.522	53.205.648.667	259.136.343.526
Lợi nhuận trong kỳ trước	-	-	-	-	25.860.524.903	25.860.524.903
Trích lập các quỹ trong kỳ trước	-	-	-	3.449.342.869	(8.623.357.173)	(5.174.014.304)
Chia cổ tức trong kỳ trước	-	-	-	-	(7.999.749.000)	(7.999.749.000)
Mua lại cổ phiếu đã phát hành	-	-	(338.000)	-	-	(338.000)
Trích quỹ tham gia công tác xã hội trong kỳ trước	-	-	-	-	(249.510.000)	(249.510.000)
<b>Số dư cuối kỳ trước</b>	<b>80.000.000.000</b>	<b>55.186.113.637</b>	<b>(2.821.300)</b>	<b>74.196.407.391</b>	<b>62.193.557.397</b>	<b>271.573.257.125</b>
Số dư đầu năm nay	80.000.000.000	55.186.113.637	(2.821.300)	74.196.407.391	66.104.479.985	275.484.179.713
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	-	-	36.099.045.860	36.099.045.860
Trích lập các quỹ trong kỳ này	-	-	-	3.827.195.726	(10.248.044.264)	(6.420.848.538)
Chia cổ tức trong kỳ này	-	-	-	-	(7.999.736.000)	(7.999.736.000)
Trích quỹ tham gia công tác xã hội trong kỳ này	-	-	-	-	(299.978.000)	(299.978.000)
<b>Số dư cuối kỳ này</b>	<b>80.000.000.000</b>	<b>55.186.113.637</b>	<b>(2.821.300)</b>	<b>78.023.603.117</b>	<b>83.655.767.581</b>	<b>296.862.663.035</b>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 10 năm 2015



**Nguyễn Thị Thu Hiền**  
Người lập biểu



**Hà Hạnh Hoa**  
Kế toán trưởng





**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM**

Địa chỉ: 111-121 Ngô Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Phụ lục 02: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Đơn vị tính: VND

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Lĩnh vực thương mại, dịch vụ	Lĩnh vực kinh doanh bất động sản	Các khoản loại trừ	Cộng
<b>Kỳ này</b>				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	583.473.867.753	8.429.827.232	-	591.903.694.985
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>583.473.867.753</b>	<b>8.429.827.232</b>		<b>591.903.694.985</b>
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	21.337.417.197	5.273.669.059	-	26.611.086.256
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-	-	-	26.611.086.256
Doanh thu hoạt động tài chính	-	-	-	622.083.368
Chi phí tài chính	-	-	-	(10.368.845.263)
Thu nhập khác	-	-	-	418.308.052
Chi phí khác	-	-	-	(361.284.016)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-	-	(3.722.696.648)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-	-	-
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>21.337.417.197</b>	<b>5.273.669.059</b>		<b>13.198.651.749</b>
<b>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</b>	<b>525.962.110</b>	<b>1.517.959.700</b>	<b>-</b>	<b>2.043.921.810</b>
<b>Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)</b>	<b>(8.849.448)</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>(8.849.448)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM**

Địa chỉ: 111-121 Ngô Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Phụ lục 02: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh** (tiếp theo)

	Lĩnh vực thương mại, dịch vụ	Lĩnh vực kinh doanh bất động sản	Các khoản loại trừ	Cộng
<b>Kỳ trước</b>				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	394.506.628.456	3.984.251.543	-	398.490.879.999
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>394.506.628.456</b>	<b>3.984.251.543</b>	-	<b>398.490.879.999</b>
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	17.910.329.702	1.751.462.062	-	19.661.791.764
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-	-	-	19.661.791.764
Doanh thu hoạt động tài chính	-	-	-	2.567.730.016
Chi phí tài chính	-	-	-	(8.706.931.055)
Thu nhập khác	-	-	-	9.793.181
Chi phí khác	-	-	-	(728.824)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-	-	(2.958.034.951)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-	-	-
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>-</b>	<b>695.715.387</b>	<b>-</b>	<b>10.573.620.131</b>
<b>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</b>	<b>-</b>	<b>35.262.978.901</b>	<b>-</b>	<b>35.262.978.901</b>
<b>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</b>	<b>900.452.049</b>	<b>695.715.387</b>	<b>-</b>	<b>1.596.167.436</b>
<b>Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM**

Địa chỉ: 111-121 Ngõ Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Phụ lục 02: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh** (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Lĩnh vực thương mại, dịch vụ	Lĩnh vực kinh doanh bất động sản	Các khoản loại trừ	Cộng
<b>Số cuối kỳ</b>				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	700.100.833.592	135.065.418.463	-	835.166.252.055
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				194.882.782.219
<b>Tổng tài sản</b>				<b>1.030.049.034.274</b>
<b>Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận</b>	625.484.833.113	99.915.711.026	-	725.400.544.139
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				7.785.827.100
<b>Tổng nợ phải trả</b>				<b>733.186.371.239</b>
<b>Số đầu năm</b>				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	753.170.111.999	139.722.048.964	-	892.892.160.963
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				179.852.241.536
<b>Tổng tài sản</b>				<b>1.072.744.402.499</b>
<b>Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận</b>	669.868.101.337	122.205.259.958	-	792.073.361.295
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				5.186.861.491
<b>Tổng nợ phải trả</b>				<b>797.260.222.786</b>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 10 năm 2015

Nguyễn Thị Thu Hiền  
Người lập biểu

Hà Hạnh Hoa  
Kế toán trưởng



Ngô Hữu Hoàn  
Trưởng Giám đốc